

Số: 611/TTr-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2023

TỜ TRÌNH TÓM TẮT

Nghị quyết của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ

Kính gửi: Quốc hội

Theo Chương trình làm việc của Quốc hội, Chính phủ xin báo cáo tóm tắt một số nội dung chủ yếu Tờ trình số 588/TTr-CP ngày 20/10/2023 trình Quốc hội về Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội) như sau:

1. Về sự cần thiết và cơ sở ban hành Nghị quyết

Thời gian qua, thực hiện chủ trương của Đảng và Quốc hội, Chính phủ đã đẩy mạnh việc đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường bộ, đến nay đã đưa vào khai thác sử dụng nhiều công trình trọng điểm, hiện đại như các tuyến cao tốc: Bắc Giang - Lạng Sơn, Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Móng Cái, La Sơn - Túy Loan, thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây¹, các cầu lớn như Tân Vũ - Lạch Huyện, Bạch Đằng, Nhật Tân, Cao Lãnh, Vàm Cống... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai áp dụng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ đã bộc lộ, phát sinh một số quy định cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình, nhằm khơi thông nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công vào lĩnh vực giao thông đường bộ, là một trong những lĩnh vực hạ tầng quan trọng quốc gia.

- Về cơ sở chính trị:

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 được Đại hội Đảng XIII thông qua đã xác định cần đổi mới mạnh mẽ phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương² cũng đã yêu cầu lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt mọi nguồn lực của xã hội; Các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh của 06 vùng trên cả nước đã đề ra các giải pháp cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng, phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là dưới

¹ Đến nay, cả nước đã đưa vào khai thác 1.822km; đang xây dựng 1.543km; đang chuẩn bị đầu tư, khởi công trong giai đoạn 2023-2025 khoảng 693km; đang lập chủ trương đầu tư khoảng 928km.

² Kết luận số 20-KL/TW ngày 16/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về KTXH năm 2021-2022.

hình thức PPP; Đồng thời, Nghị quyết của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng đã yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với thực tiễn...

Như vậy, Đảng đã nêu rõ quan điểm, phương hướng, giải pháp cụ thể đối với những vấn đề về huy động nguồn lực, phân cấp, liên kết vùng, tạo cơ sở chính trị cần thiết cho các cơ quan tổ chức thực hiện.

- *Về yêu cầu thực tiễn:* Gần đây, một số cơ quan, địa phương báo cáo khó khăn, vướng mắc và đề xuất sửa đổi một số quy định. Theo đó: (i) tỷ lệ vốn nhà nước tham gia trong các dự án PPP đang được quy định không vượt quá 50% tổng mức đầu tư; (ii) giao thẩm quyền cho địa phương được đầu tư, nâng cấp mở rộng các dự án đường quốc lộ, cao tốc thuộc trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải; (iii) giao cho một địa phương làm cơ quan chủ quản đối với các dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương, trong đó có việc sử dụng ngân sách của địa phương này hỗ trợ địa phương khác đầu tư cùng một dự án; (iv) không thực hiện thủ tục cấp phép mỏ mới làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của Luật Khoáng sản để đáp ứng tiến độ triển khai các dự án giao thông đường bộ; (v) phát sinh về đối tượng, thủ tục đầu tư, giao kế hoạch, giải ngân cho các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách trung ương (NSTW) năm 2022 cho các dự án giao thông đường bộ.

- *Về cơ sở pháp lý và thẩm quyền:*

Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 đã nêu nhiệm vụ tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả; phát huy tính chủ động sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

Theo quy định tại điểm b và e khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền quyết định ban hành Nghị quyết thí điểm thực hiện một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành; các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Quốc hội.

2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Căn cứ các cơ sở nêu trên, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số 199/TTr-CP ngày 08/5/2023 về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội đề Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi hoàn thiện, trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV (tháng 5/2023) theo trình tự, thủ tục rút gọn và thông qua tại một kỳ họp gồm 03 chính sách: (i) về tỷ lệ vốn nhà nước trong dự án PPP; (ii) về việc giao thẩm quyền cho địa phương làm cơ quan chủ quản, sử dụng vốn ngân sách địa phương đầu tư các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua các địa phương; (iii) về giao cho một địa phương làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư các dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách của địa phương này hỗ trợ vốn cho địa phương khác.

Sau khi xem xét Tờ trình số 199/TTr-CP, Ủy ban Thường vụ Quốc hội³ đã có ý kiến đề nghị Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, làm rõ các nội dung đề nghị thí điểm, trong đó, việc thực hiện thí điểm cần phải có địa chỉ, thời gian, giới hạn cụ thể, không quy định như một đạo luật khác song song với luật hiện hành. Chính phủ đã tiếp tục chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Nghị quyết của Quốc hội và có Tờ trình số 417/TTr-CP ngày 30/8/2023 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó ngoài 03 chính sách đã trình tại Tờ trình số 199/TTr-CP, Chính phủ đã bổ sung thêm 02 chính sách là: (i) chính sách khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và (ii) cơ chế đặc thù áp dụng đối với các dự án sử dụng nguồn tăng thu Ngân sách Trung ương năm 2022. Đồng thời, bổ sung Danh mục các dự án thí điểm tương ứng với từng chính sách.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Kinh tế và thực hiện ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội⁴, Chính phủ đã có Tờ trình số 588/TTr-CP ngày 20/10/2023 về dự thảo Nghị quyết, trình Quốc hội thảo luận, xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV theo trình tự, thủ tục rút gọn và thông qua tại một kỳ họp.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết và danh mục dự án thí điểm

Dự thảo Nghị quyết gồm 10 Điều với nội dung chính gồm 05 nhóm chính sách, trong mỗi chính sách sẽ có danh mục thí điểm kèm theo. Cụ thể như sau:

3.1. Về Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án thí điểm (Điều 3):

Chính phủ đề xuất nguyên tắc xây dựng danh mục thí điểm như sau:

(1) Có đề xuất bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải và/hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(2) Đã xác định hoặc dự kiến được nguồn vốn đầu tư để có thể triển khai thực hiện dự án; trường hợp sử dụng vốn ngân sách địa phương phải có cam kết bố trí vốn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi cấp có thẩm quyền quyết định danh mục dự án được áp dụng chính sách thí điểm.

(3) Có địa điểm, thời gian thực hiện rõ ràng, cụ thể.

(4) Các dự án đề xuất phải thuộc một trong các nhóm chính sách đang đề xuất thí điểm của Nghị quyết này.

3.2. Về các chính sách và danh mục kèm theo từng chính sách

(1) *Chính sách 1 về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP (Điều 4):* Đối với các dự án giao thông đường bộ, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Theo quy định hiện hành, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia vào các dự án PPP không vượt quá 50% tổng mức đầu tư dự án. Tuy nhiên thực tế hiện nay, một số dự án giao thông đường bộ có tổng mức đầu tư lớn, trong khi nhu cầu vận tải chưa cao nên cần có sự tham gia vốn nhà nước nhiều hơn để đảm bảo tính khả thi khi

³ Tại các Thông báo số 2276/TB-TTKQH ngày 15/5/2023, Thông báo số 2295/TB-TTKQH ngày 16/5/2023 và Thông báo số 2711/TB-TTKQH ngày 18/8/2023.

⁴ Báo cáo số 2284/BC-UBKT15 ngày 11/10/2023 của Ủy ban Kinh tế về thẩm tra sơ bộ Tờ trình của Chính phủ và ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 2886/TB-TTKQH ngày 17/10/2023

kêu gọi đầu tư theo phương thức PPP. Ngoài ra, có một số dự án đi qua khu vực đồng bằng có nhu cầu giải phóng mặt bằng nhiều⁵, chiếm tỷ lệ cao trong tổng mức đầu tư dự án. Nếu áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án PPP theo quy định sẽ khó bảo đảm hiệu quả tài chính và không thể hấp dẫn các nhà đầu tư để triển khai theo phương thức PPP. Chính sách đề xuất nhằm tạo động lực hơn nữa trong việc thu hút, huy động vốn đầu tư tư nhân, bảo đảm hiệu quả tài chính dự án, hấp dẫn các nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng. Chính phủ đề xuất quy định cho phép tỷ lệ vốn tham gia của nhà nước không quá 70%, tương tự như Quốc hội đã cho phép áp dụng cơ chế tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 đối với Thành phố Hồ Chí Minh. Chính sách này áp dụng cho 01 dự án thuộc địa phận tỉnh Thái Bình (*Danh mục tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

(2) *Chính sách số 2 về thẩm quyền thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc đi qua các địa phương (Điều 5)*: Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có khả năng bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương (bao gồm cả vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương nếu có) làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc đi qua địa phương mình.

Thực tế hiện nay, nhiều địa phương có văn bản đề xuất cấp có thẩm quyền cho phép được giao làm cơ quan chủ quản đầu tư, nâng cấp các đoạn tuyến quốc lộ, cao tốc thuộc địa bàn quản lý nhằm giải quyết những bức xúc về hạ tầng giao thông tại địa phương. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành⁶, không cho phép địa phương là cơ quan chủ quản, sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư các dự án đầu tư quốc lộ, cao tốc thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương. Chính sách đề xuất nhằm phát huy được tối đa các tiềm năng, lợi thế của địa phương, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước của trung ương và địa phương và trách nhiệm của người đứng đầu địa phương; thuận lợi trong quy hoạch, đấu nối hạ tầng, xác định vị trí các nút giao cần thiết để tạo không gian cho phát triển kinh tế... Chính sách này áp dụng cho 07 dự án thuộc địa bàn các tỉnh Sơn La, Ninh Bình, Hậu Giang, Cần Thơ, Khánh Hòa, Bình Phước (*Danh mục tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

(3) *Chính sách số 3 về các dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương (Điều 6)*: Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ vốn đầu tư cho địa phương khác để đầu tư thực hiện dự án.

Thực tế triển khai, có nhiều dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương hoặc dự án đi qua ranh giới địa bàn 02 địa phương bằng cầu, hầm. Theo quy định pháp luật hiện hành, không cho phép 01 địa phương quyết định chủ trương đầu tư và bố trí vốn cho các dự án địa qua địa bàn của địa phương khác. Trường hợp nếu để mỗi địa phương đầu tư một nửa cầu/hầm sẽ không thuận lợi trong công tác quản lý dự án, gây lãng phí bộ máy, thời gian, thủ tục đầu tư... Chính sách đề xuất nhằm

⁵ Đánh giá tổng kết triển khai các dự án GTVT, tỷ trọng phần giải phóng mặt bằng bình quân khoảng 15% TMĐT dự án (trừ dự án qua đô thị lớn như vành đai 4 Hà nội chiếm tỷ lệ 23%).

⁶ Khoản 3 Điều 48 Luật Giao thông đường bộ; Khoản 4 Điều 3 Luật Xây dựng; Khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước; Khoản 5 Điều 17 Luật Đầu tư công.

thống nhất về thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước ở Trung ương đối với những vấn đề liên quan đến phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; tháo gỡ điểm nghẽn thực tế trong quá trình tổ chức thực hiện đầu tư các dự án liên kết vùng và cho phép các địa phương sử dụng ngân sách của địa phương mình để hỗ trợ các địa phương khác cùng thực hiện 01 dự án đầu tư sẽ tạo sự linh hoạt trong điều hành ngân sách, tiết kiệm thời gian thực hiện và thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn. Chính sách này áp dụng cho 10 dự án thuộc địa bàn các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hải Dương, Đà Nẵng, Quảng Nam, Vĩnh Long, Bến Tre, Tiền Giang, Long An, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Đồng Tháp (Danh mục tại Phụ lục số 03 kèm theo).

(4) Chính sách 4 về cơ chế đặc thù trong khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (Điều 7): Nhà đầu tư, Nhà thầu thi công không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án hạ tầng giao thông đường bộ. Nhà đầu tư, Nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường; chịu sự quản lý, giám sát đối với việc khai thác, sử dụng khoáng sản; nộp thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật có liên quan về thuế, phí, pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chính sách đề xuất nhằm rút ngắn thời gian trong việc cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đáp ứng kịp thời nguồn cung cấp vật liệu, đảm bảo tiến độ thi công, tránh tình trạng đầu cơ, nâng giá; đồng thời góp phần ổn định giá vật liệu xây dựng thông thường, hạn chế việc tăng chi phí xây dựng công trình. Chính phủ kiến nghị được thực hiện chính sách tương tự như khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, áp dụng cho 16 dự án thuộc địa bàn các tỉnh: Thái Bình, Nam Định, Lai Châu, Lào Cai, Ninh Bình, Đồng Nai, Lâm Đồng, Tiền Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bắc Kạn, Kiên Giang, Bạc Liêu, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hậu Giang (Danh mục tại Phụ lục số 04 kèm theo)

(5) Chính sách số 5 về cơ chế đặc thù áp dụng đối với các dự án sử dụng nguồn tăng thu NSTW năm 2022⁷ (Điều 8), gồm 04 nội dung:

(i) Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 căn cứ các nguồn vốn: dự kiến từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022; dự kiến vốn NSNN trong năm 2024-2025 khi có điều kiện hoặc trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, áp dụng cho 06 dự án của Bộ Giao thông vận tải, Ninh Bình, Thái Bình, Bình Phước, Bình Dương, thành phố Cần Thơ (Danh mục tại Phụ lục số 05 kèm theo).

(ii) Cho phép các dự án do địa phương quản lý đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được điều chỉnh quyết định chủ trương đầu

⁷ Những chính sách đề xuất đặc thù khác với các quy định tại Luật Đầu tư công áp dụng riêng cho các dự án sử dụng nguồn tăng thu NSTW năm 2022 để sử dụng hiệu quả nguồn vốn này

tư, quyết định đầu tư tương ứng với số vốn ngân sách trung ương bố trí tăng thêm cho dự án từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022, áp dụng cho 07 dự án của tỉnh Lạng Sơn, Sơn La, Thừa Thiên Huế, Bắc Kạn, Quảng Ngãi, Tiền Giang, Đồng Tháp, Tuyên Quang (*Danh mục tại Phụ lục số 06 kèm theo*).

(iii) Cho phép giao kế hoạch từ nguồn tăng NSTW năm 2022 cho các dự án khi các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và nguồn vốn này được thực hiện và giải ngân trong 03 năm từ 2023-2025, áp dụng cho 30 dự án của Bộ Giao thông vận tải, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Sơn La, Hải Dương, Ninh Bình, Thái Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Lâm Đồng, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ (*Danh mục tại Phụ lục số 07 kèm theo*).

(iv) Bố trí vốn tăng thu NSTW năm 2022 để thanh toán chi phí giải phóng mặt bằng (bao gồm phần chậm trả) các dự án giao thông đường bộ thuộc nhiệm vụ của NSTW phát sinh sau khi dự án đã quyết toán, áp dụng cho 01 nhiệm vụ chi của tỉnh Nghệ An (*Danh mục tại Phụ lục số 08 kèm theo*).

3.3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành (Điều 9, 10): Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tổng kết Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp đầu năm 2026. Đối với nhóm các chính sách 1, 2, 3, 4 đề nghị Quốc hội cho phép áp dụng trong thời gian đến hết năm 2025; đối với chính sách 5 trình Quốc hội cho áp dụng 01 lần. Các dự án sau khi được áp dụng cơ chế đặc thù được thực hiện đến khi hoàn thành dự án.

4. Đối với các dự án có nhu cầu thí điểm nằm ngoài danh mục được Quốc hội quyết nghị:

Đối với các dự án ngoài danh mục ban hành theo Nghị quyết thí điểm, khi có nhu cầu do các địa phương tiếp tục kiến nghị, trường hợp đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí của Nghị quyết, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trong thời gian giữa hai kỳ họp.

Trên đây là nội dung Tờ trình của Chính phủ về Nghị quyết của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết nghị./.

(*Dự thảo Nghị quyết Quốc hội kèm theo*)

Nơi nhận:

- Như trên (100 bản);
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội: Kinh tế, Tài chính - Ngân sách, Pháp luật;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: KHĐT, TP, GTVT, XD, TC, NG, NV, TM&MT, CA, QP;
- Văn phòng Chính phủ: BTCN, các PCN, các Vụ: KTTH, TH, QHĐP, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



Nguyễn Chí Dũng
Nguyễn Chí Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH VỀ TỶ LỆ VỐN NHÀ NƯỚC TRONG DỰ ÁN PPP
(Ban hành kèm theo Tờ trình tóm tắt số 611/TT-CP ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư dự án*				Tỷ lệ NSNN/ Tổng mức đầu tư	Dự kiến nguồn vốn trong giai đoạn 2021 - 2025			Cơ quan chủ quản	Thực trạng, kiến nghị áp dụng chính sách và nguồn vốn	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh	
				Tổng số các nguồn vốn	Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó:		Tổng số NSNN	Trong đó						
							Trong đó:			NSTW	NSDP					
							NSTW									NSDP
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình	2019-2023	Thái Bình	3.872.000	1.290.538	2.581.462				1.000.000	1.000.000	UBND tỉnh Thái Bình	<p>1. Chủ trương đầu tư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 28/3/2018; UBND tỉnh Thái Bình quyết định đầu tư tại quyết định số 2344/QĐ-UBND ngày 18/9/2018; 3201/QĐ-UBND ngày 06/12/2018; Hợp đồng BOT ký trước khi Luật Đầu tư PPP có hiệu lực, vốn nhà nước tham gia dự án chiếm 66,67%, vốn BOT 33,33%, trong quá trình thực hiện dự án do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, giá cả các nguyên vật liệu có sự tăng đột biến dẫn đến cần phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của dự án, để đảm bảo tính khả thi của phương án tài chính, phần vốn nhà nước tham gia dự án cần điều chỉnh tăng thêm khoảng 1.000 tỷ đồng, chiếm trên 70% tổng mức đầu tư điều chỉnh. Luật PPP hiện nay chưa quy định cụ thể đối với trường hợp này;</p> <p>2. Đề nghị cho phép áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án trên mức 50% (theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật PPP)</p> <p>3. Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình đã có Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 20/9/2023 thống nhất chủ trương sử dụng vốn ngân sách tỉnh bổ sung cho dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình</p>	<p>1. Dự án đã được Hội đồng nhân dân cam kết bỏ trí vốn.</p> <p>2. Đề xuất của tỉnh là phù hợp với nội dung chính sách số 01 của Dự thảo Nghị quyết</p>	2392/UBND-CTXDGT ngày 19/7/2023; 106/TT-UBND ngày 14/9/2023	

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án lên đến 4.984 tỷ đồng

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH VỀ GIAO THẨM QUYỀN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG LÀM CƠ QUAN CHỦ QUẢN, SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUỐC LỘ, CAO TỐC

(Ban hành kèm theo Tờ trình tóm tắt số 611/TT-Tr-CP ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMDT *				Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất địa phương làm cơ quan chủ quản	Thực trạng và kiến nghị của tỉnh	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh và Bộ GTVT
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:					
					Vốn NSNN				NSTW	NSDP				
					Tổng số	NSTW	NSDP							
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua tỉnh Sơn La	2023 - 2026	Sơn La	4.190.000	4.190.000	3.500.000	690.000	3.790.000	3.400.000	390.000	Sơn La	1. Giao tỉnh Sơn La làm cơ quan chủ quản dự án. 2. HĐND tỉnh đã có nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 về cần đổi ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án, UBND tỉnh cam kết chỉ đạo, cần đổi đủ phần vốn ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án	1. Dự án đã được Bộ GTVT và địa phương thống nhất giao địa phương làm cơ quan chủ quản 2. Đã có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về vốn NSDP và rõ nguồn vốn NSTW. 3. Dự án đề xuất phù hợp với chính sách số 02	Văn bản số 305/BC-UBND ngày 12/7/2023, số 2951/UBND-TH ngày 03/8/2023 của UBND tỉnh Sơn La số 7982/BGTVT-KHĐT ngày 25/7/2023 của Bộ GTVT
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Ninh Bình	2023 - 2027	Ninh Bình	6.865.000	6.865.000	4.865.000	2.000.000	4.400.000	3.000.000	1.400.000	Ninh Bình	1. Giao tỉnh Ninh Bình làm cơ quan chủ quản dự án 2. Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình đã thông qua Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 về việc thông nhất chủ trương sử dụng vốn ngân sách tỉnh để thực hiện. Tỉnh Ninh Bình cam kết quyết liệt chỉ đạo, có kế hoạch, biện pháp cụ thể để hoàn thành dự án theo đúng tiến độ, mục tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi được cho phép áp dụng chính sách.	1. Dự án đã được Bộ GTVT và địa phương thống nhất giao địa phương làm cơ quan chủ quản 2. Đã có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về vốn NSDP và rõ nguồn vốn NSTW. 3. Dự án đề xuất phù hợp với chính sách số 02	Văn bản số 690/UBND-VP4 ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình và số 7982/BGTVT-KHĐT ngày 25/7/2023 của Bộ GTVT
3	Dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến nội Cần Thơ - Hậu Giang (Quốc lộ 61C).	2023 - 2028	Hậu Giang	5.179.350	5.179.350	3.556.690	1.622.660	228.420	228.420		Hậu Giang	1. Giao UBND tỉnh Hậu Giang làm cơ quan chủ quản dự án 2. Dự án nằm trong Danh mục các dự án phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu được Chính phủ thống qua tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18/7/2023. 3. Nếu được phép áp dụng chính sách đặc thù để thực hiện dự án, UBND tỉnh Hậu Giang sẽ quyết liệt chỉ đạo, có kế hoạch, biện pháp cụ thể để hoàn thành dự án theo đúng tiến độ, mục tiêu được cấp thẩm quyền phê duyệt.	1. Dự án đã được Bộ GTVT và địa phương thống nhất giao địa phương làm cơ quan chủ quản 2. Dự án đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề xuất. 3. Dự án đề xuất phù hợp với chính sách số 02	Văn bản số 1051/UBND-NCTH ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang; số 8003/BGTVT-KHĐT ngày 25/7/2023 của Bộ GTVT

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMDT *				Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất địa phương làm cơ quan chủ quản	Thực trạng và kiến nghị của tỉnh	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh và Bộ GTVT
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:					
					Vốn NSNN				NSTW	NSDP				
					Tổng số	NSTW	NSDP							
4	Dự án: "Phát triển mạng lưới giao thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu - Dự án 1: Nâng cấp, mở rộng QL61C, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ và Đường kết nối quận Ô Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ)	2024-2028	Cần Thơ	6.433.000	6.433.000	3.940.200	2.492.800	394.020	394.020	Cần Thơ	1. Giao UBND Thành phố Cần Thơ làm cơ quan chủ quản dự án. 2. Dự án nằm trong Danh mục cáo dự án phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18/7/2023.	1. Dự án đã được Bộ GTVT và địa phương thống nhất giao địa phương làm cơ quan chủ quản 2. Dự án đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề xuất. 3. Dự án đề xuất thuộc chính sách số 02	Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh Cần Thơ; số 2313/UBND-XDDT ngày 28/6/2023 của UBND Cần Thơ; số 1799/SKHĐT-KT ngày 13/7/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ; số 6917/BGTVT-KHĐT ngày 08/7/2022, số 2824/BGTVT-KHĐT ngày 23/3/2023 của Bộ GTVT	
5	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0 - Km7), thành phố Cần Thơ	2023-2027	Cần Thơ	7.193.000	7.193.000	7.193.000		3.235.000	3.235.000	Cần Thơ	1. Giao UBND Thành phố Cần Thơ làm cơ quan chủ quản dự án 2. Dự án được đang được đề xuất bố trí vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022.	1. Dự án đã được Bộ GTVT và địa phương thống nhất giao địa phương làm cơ quan chủ quản 2. Dự án đã được bố trí một phần vốn từ nguồn tăng thu NSTW 2022 để thực hiện 3. Dự án đề xuất phù hợp với chính sách số 02	Văn bản số 554/UBND-XDĐT ngày 23/02/2023 và 1015/UBND-XDĐT ngày 29/03/2023, 1314/UBND-XDĐT của UBND thành phố Cần Thơ; số 1882/BGTVT-KHĐT ngày 28/02/2022 của Bộ GTVT	
6	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	2024-2025	Khánh Hòa	740.000	740.000	740.000	740.000	740.000	740.000	Khánh Hòa	1. Giao UBND tỉnh Khánh Hòa làm cơ quan chủ quản dự án. 2. Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 cam kết bố trí vốn thực hiện dự án	1. Dự án đã được Bộ GTVT và địa phương thống nhất giao địa phương làm cơ quan chủ quản 2. Hội đồng nhân dân cam kết bố trí toàn bộ vốn để thực hiện 3. Dự án đề xuất phù hợp với chính sách số 02	Văn bản số 7261/UBND-XDĐT ngày 20/7/2023; 9068/UBND-XDĐT ngày 07/9/2023; số 76/NQ-HĐND ngày 18/10/2023; số 10821/UBND-XDĐT ngày 19/10/2023; số 645/BGTVT-KHĐT ngày 19/01/2023 của Bộ GTVT	
7	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường QL.14 đoạn Đông Xoài - Chơn Thành	2021-2025	Bình Phước	1.450.000	1.450.000	1.450.000	210.000	210.000	210.000	Bình Phước	1. Giao UBND tỉnh Bình Phước làm cơ quan chủ quản dự án. 2. Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 và số 01/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 quyết định chủ trương đầu tư, Hội đồng nhân dân tỉnh cam kết bố trí 210 tỷ đồng thực hiện dự án. 3. Tỉnh cam kết tiếp tục bố trí đủ vốn để thực hiện dự án	1. Dự án đã được Bộ GTVT và địa phương thống nhất giao địa phương làm cơ quan chủ quản 2. Dự án đã có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân bố trí vốn. 3. Dự án đề xuất phù hợp với chính sách số 02	Văn bản số 2813/UBND-TH ngày 15/8/2023; 3178/UBND-TH ngày 19/10/2023; số 11809/BGTVT-KHĐT ngày 08/11/2021 của Bộ GTVT	

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH VỀ GIAO MỘT ĐỊA PHƯƠNG LÀM CƠ QUAN CHỦ QUẢN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ QUA NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG NÀY HỖ TRỢ VỐN CHO ĐỊA PHƯƠNG KHÁC (CHÍNH SÁCH 03)
(Ban hành kèm theo Tờ trình tâm số 611/Tr-CP ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa phương thuộc phạm vi dự án	Dự kiến TMBT *				Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025		Đề xuất địa phương làm cơ quan chủ quản	Thực trạng và kiến nghị của tỉnh	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh	
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
					Vốn Nhà đầu tư	Vốn NSNN			NSTW					NSDP
						Tổng số	NSTW							
1	Dự án Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.	2023 - 2026	Lai Châu, Lào Cai	3.300.000	3.300.000	2.500.000	800.000	2.820.000	2.500.000	320.000	Lai Châu	<p>1. Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09/3/2023</p> <p>2. Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, việc bố trí ngân sách tỉnh Lào Cai để thực hiện công tác đền bù, GPMB phần diện tích thuộc địa phận tỉnh Lào Cai cơ bản đã được Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ tháo gỡ. Tuy nhiên, các văn bản tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Chính phủ chỉ mang tính cá biệt, áp dụng cho 01 dự án cụ thể, chưa thống nhất, đồng bộ trong cả nước, tính pháp lý chưa đảm bảo. Mặt khác, việc triển khai hoàn thiện các thủ tục đầu tư sẽ bị kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư của dự án.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03</p>	Văn bản số 2600/UBND-KTN ngày 11/7/2023 của UBND Lai Châu và số 3635/UBND - XD ngày 27/7/2023 của UBND Lào Cai
2	Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Nà Hang, Tuyên Quang.	2022 - 2025	Bắc Kạn, Tuyên Quang	3.837.809	3.837.809	3.560.000	277.809	3.837.809	3.560.000	277.809	Bắc Kạn	<p>1. Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 07/12/2019; điều chỉnh chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết: số 24/NQ-HĐND ngày 17/7/2020, số 33/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 và số 23/NQ-HĐND ngày 26/4/2023.</p> <p>2. Tỉnh đề nghị giao cho tỉnh Bắc Kạn làm cơ quan chủ quản và cho phép sử dụng vốn NSNN đã bố trí cho dự án để thực hiện giải phóng mặt bằng, xây lắp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03</p>	Văn bản số 4504/UBND-GTCNXD ngày 14/7/2023; 5021/UBND-GTCNXD ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn
3	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Kênh Vàng và đường đến hai đầu cầu, kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	2021 - 2025	Bắc Ninh, Hải Dương	1.590.000	1.590.000	900.000	690.000	1.590.000	900.000	690.000	Bắc Ninh	<p>1. Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 366/NQ-HĐND ngày 10/5/2021; Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương có Nghị quyết số 30/NQ-HĐND về việc chấp thuận tham gia dự án, trong đó có nội dung sử dụng NSDP tỉnh Hải Dương thực hiện giải phóng mặt bằng, bồi thường hỗ trợ, tài định cư địa phận Hải Dương.</p> <p>2. Tỉnh đề nghị cho phép giao UBND tỉnh Bắc Ninh là cơ quan chủ quản và sử dụng vốn ngân sách địa phương của tỉnh Hải Dương để GPMB diện tích thực hiện dự án thuộc địa phận tỉnh Hải Dương.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03</p>	Văn bản số 230/UBND-XDCB của UBND tỉnh Bắc Ninh; Văn bản số 2594/UBND-VP ngày 19/7/2023; số 2019/SKHĐT-KTN ngày 03/8/2023 của UBND tỉnh Hải Dương

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa phương thuộc phạm vi dự án	Dự kiến TMDT *					Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất địa phương làm cơ quan chủ quản	Thực trạng và kiến nghị của tỉnh	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
					Vốn Nhà đầu tư	Vốn NSNN				NSTW	NSDP				
						Tổng số	NSTW	NSDP							
4	Cầu Quảng Đà và đường dẫn đầu cầu	2023 - 2026	Đà Nẵng, Quảng Nam	274.000		274.000		274.000	274.000		274.000	Đà Nẵng	1. Dự án đã được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 2. Giao Đà Nẵng làm cơ quan chủ quản dự án. 3. Riêng kinh phí đến bù trên địa bàn tỉnh Quảng Nam do tỉnh Quảng Nam chi trả và không đưa vào tổng mức đầu tư dự án	1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW; 2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03	Văn bản số 5792/UBND-SKKHĐT ngày 20/7/2023 của UBND Thành phố Đà Nẵng
5	Dự án đầu tư xây dựng cầu Đinh Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo hình thức đối tác công tư	2023-2027	Vĩnh Long, Bến Tre	3.200.000	1.100.000	2.100.000	1.600.000	500.000	2.100.000	1.600.000	500.000	Vĩnh Long	1. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Vĩnh Long lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hiện đang trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. 2. Tỉnh được phép cân đối, sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương (bao gồm cả ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương) thực hiện dự án và cho phép Hội đồng nhân dân các tỉnh có dự án đi qua thống nhất việc sử dụng ngân sách địa phương này (tỉnh Vĩnh Long) để hỗ trợ địa phương khác (tỉnh Bến Tre) đầu tư dự án.	1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW; 2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03	4252/UBND-KTNV ngày 03/8/2023
6	Dự án mở rộng Đường tỉnh 879B từ cầu Gò Cát đến ranh Long An	2021-2024	Tiền Giang, Long An	257.844		257.844	180.000	77.844	257.844	180.000	77.844	Tiền Giang	1. Dự án đang triển khai thực hiện, đã được TTgCP giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, 2. Dự án có 0,7km/12km thuộc địa bàn tỉnh Long An. Do đó, tỉnh Tiền Giang đề nghị cho phép Tiền Giang làm cơ quan chủ quản, dùng vốn tỉnh Tiền Giang để thực hiện Dự án	1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW; 2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03	Văn bản số 3194/UBND-TH ngày 26/6/2023 của UBND Tiền Giang và số 1843/SKKHĐT-DT,TD&GSET ngày 14/7/2023 của SKKHĐT Tiền Giang; số 6921/UBND-TH ngày 19/10/2023
7	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trô Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1)	2020-2025	Cao Bằng, Lạng Sơn	14.531.618	7.751.618	6.580.000	2.500.000	4.080.000	6.580.000	2.500.000	4.080.000	Cao Bằng	1. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư tại quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2022, điều chỉnh tại quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023; giao UBND tỉnh Cao Bằng là Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư, ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm cả vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện dự án; UBND tỉnh Cao Bằng đã phê duyệt dự án tại quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 2. trong quá trình thực hiện sẽ vướng mắc do trái với một số quy định tại Luật Ngân sách nhà nước; Luật Giao thông đường bộ). Tỉnh đề nghị có tháo gỡ vướng mắc này	1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW; 2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03	Văn bản số 2105/UBND-TH ngày 07/8/2023; số 2879/TT-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa phương thuộc phạm vi dự án	Dự kiến TMBT *				Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất đầu phương làm cơ quan chủ quản	Thực trạng và kiến nghị của tỉnh	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh	
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:						
					Vốn Nhà đầu tư	Vốn NSNN			NSTW	NSDP					
						Tổng số	NSTW								NSDP
8	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng	2021-2024	Ninh Thuận, Lâm Đồng	1.494.746		1.494.746	1.230.550	264.196	1.494.746	1.230.550	264.196	Ninh Thuận	<p>1. Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 và điều chỉnh tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 25/3/2022 trong đó tuyến qua địa phận Ninh Thuận 44,5km, tuyến qua địa phận Lâm Đồng 17,3km, thời gian thực hiện 2021-2024. Hiện đang triển khai thi công.</p> <p>2. Tỉnh đề nghị giao cho UBND tỉnh Ninh Thuận làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách của địa phương này hỗ trợ vốn cho địa phương khác thực hiện dự án.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03</p>	Văn bản số 3627/UBND-KTTH ngày 29/8/2023
9	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1	2023-2026	Tiền Giang, Đồng Tháp	7.822.000		7.822.000	7.822.000	0	5.096.800	5.096.800	0	Tiền Giang	<p>1. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 24/6/2022, chia thành 02 dự án thành phần do tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang thực hiện. Hiện đang thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>2. Dự án thành phần 2 do tỉnh Tiền Giang thực hiện trên địa bàn 02 tỉnh Tiền Giang (7,62km) và Đồng Tháp (3,81km), do đó đề nghị bổ sung Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 vào Phụ lục 3 kèm theo Tờ trình số 41/TT-CP ngày 30/8/2023 của Chính phủ.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 03</p>	Văn bản số 6343/UBND-TH ngày 20/9/2023; số 6921/UBND-TH ngày 19/10/2023
10	Dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến nối Cần Thơ - Hậu Giang (Quốc lộ 61C).	2023-2028	Hậu Giang, Cần Thơ	5.179.350		5.179.350	3.556.690	1.622.660	228.420	228.420		Hậu Giang	<p>1. Giao UBND tỉnh Hậu Giang làm cơ quan chủ quản dự án</p> <p>2. Dự án nằm trong Danh mục các dự án phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18/7/2023.</p> <p>3. Tỉnh đề xuất áp dụng cơ chế do có hạng mục cầu giáp ranh với Cần Thơ (đầu tư toàn bộ hạng mục cầu bao gồm cả phần trên địa bàn Thành phố Cần Thơ).</p>	<p>1. Dự án đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề xuất, vốn thuộc chương trình DPO.</p> <p>2. Dự án đề xuất phù hợp với chính sách số 03</p>	Văn bản số 1051/UBND-NCTH ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang; số 1600/UBND-NCTH ngày 19/10/2023; số 8003/BGTVT-KHĐT ngày 25/7/2023 của Bộ GTVT

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục IV

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH VỀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
(Ban hành kèm theo Từ trình tóm tắt số 611/TT-CP ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMDT *					Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025		Đề xuất áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh	
				Tổng số	Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó		Tổng số NSNN	Trong đó				
							NSTW	NSDP		NSTW				NSDP
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình, theo phương thức PPP.	2023-2027	Nam Định, Thái Bình	18.823.480	9.511.480	9.312.000	6.206.000	3.106.000	9.312.000	6.206.000	3.106.000	<p>1. Hiện nay dự án đã được HETĐLN thẩm định, đang hoàn thiện để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư Dự án</p> <p>2. Tỉnh đề nghị áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã áp dụng cho các Dự án cao tốc Bắc - Nam, giai đoạn 2021-2025 (cơ chế tương tự đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022); cụ thể: Nhà thầu thi công dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án; việc khai thác mỏ khoáng sản được thực hiện đến khi hoàn thành dự án.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	<p>54/TT-UBND ngày 22/5/2023; 74/BC-UBND ngày 28/7/2023; 2813/UBND-CTXDGT ngày 17/8/2023</p>
2	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.	2023 - 2026	Tam Đường Lai Châu và Sa Pa, Lào Cai	3.300.000		3.300.000	2.500.000	800.000	2.820.000	2.500.000	320.000	<p>1. Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09/3/2023</p> <p>2. Tỉnh Lai Châu kiến nghị cho phép UBND tỉnh Lai Châu được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ thi công dự án như các dự án đường cao tốc được áp dụng cơ chế đặc thù khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị quyết số 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	<p>Văn bản số 2600/UBND-KTN ngày 11/7/2023 của UBND Lai Châu</p>
3	Xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, (đoạn qua tỉnh Ninh Bình).	2023-2027	Ninh Bình	6.865.000		6.865.000	4.855.000	2.000.000	4.400.000	3.000.000	1.400.000	<p>1. Dự án đang được UBND tỉnh Ninh Bình chuẩn bị đầu tư theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi</p> <p>2. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	<p>Văn bản số 448/UBND-VP3 ngày 21/9/2023; số 554/UBND-VP3 ngày 19/10/2023</p>
4	Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cao Bồ - Mai Sơn	2024-2027	Ninh Bình	2.000.000		2.000.000	2.000.000		2.000.000	2.000.000		<p>1. Dự án chưa được cấp cơ thẩm quyền cho phép lập chủ trương đầu tư. Tuy nhiên nếu được phép sẽ hoàn thiện thủ tục đầu tư trong năm 2024</p> <p>2. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	<p>488/UBND-VP3 ngày 21/9/2023; số 554/UBND-VP3 ngày 19/10/2023</p>

TT	Tên dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMDT *					Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh
				Tổng số	Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó		Tổng số NSNN	Trong đó				
							NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
5	Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư	2023-2026	Đồng Nai, Lâm Đồng	18.120.000	11.620.000	6.500.000	2.000.000	4.500.000	6.500.000	2.000.000	4.500.000	<p>1. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư tại 1386/QĐ-TTg ngày 10/11/2022.</p> <p>2. Hiện nay, đang thực hiện thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi.</p> <p>3. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	Văn bản số 9097/UBND-TL ngày 18/10/2023
6	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn I)	2022 - 2026	Lâm Đồng	19.521.000	11.760.000	7.761.000	2.500.000	5.261.000	7.761.000	2.500.000	5.261.000	<p>1. Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại quyết định số 151/NQ-HĐND ngày 09/12/2022.</p> <p>2. Hiện nay, nhà đầu tư dự án đang đang hoàn thiện báo cáo cuối kỳ.</p> <p>3. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	Văn bản số 193/BC-UBND ngày 03/8/2023; số 9097/UBND-TL ngày 18/10/2023
7	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn I	2023-2026	Tiền Giang, Đồng Tháp	7.822.000		7.822.000	7.822.000		5.096.800	5.096.800		<p>1. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 24/6/2022, chia thành 02 dự án thành phần do tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang thực hiện. Hiện đang thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>2. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	143/UBND-DTQH ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỹ An - Cao Lãnh giai đoạn I	2024-2027	Đồng Tháp	6.209.770		6.209.770	6.209.770		3.700.000	3.700.000		<p>1. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 2203/QĐ-TTg ngày 27/12/2021, đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi, tuy nhiên do chi phí tăng nên đang thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư; chưa khởi công.</p> <p>2. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	143/UBND-DTQH ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp; số 11882/BGTVT-CQLXD ngày 19/10/2023 của Bộ GTVT
9	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến Cao Lãnh - Lộ Tè trên địa phận tỉnh Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ để tổ chức lại giao thông	2023-2025	Đồng Tháp, Cần Thơ	950.000		950.000	950.000		950.000	950.000		<p>1. Dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý, đang hoàn chỉnh hồ sơ phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công.</p> <p>2. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	143/UBND-DTQH ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp; số 11882/BGTVT-CQLXD ngày 19/10/2023 của Bộ GTVT
10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến Chợ Mới - Bắc Kan, tỉnh Bắc Kan	2024-2026	Bắc Kan	5.751.000		5.751.000	5.751.000		4.908.000	4.908.000		<p>1. Dự án đã được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-BGTVT ngày 14/9/2021 và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 988/QĐ-BGTVT ngày 25/7/2022.</p> <p>2. Hiện đang điều chỉnh chủ trương đầu tư lên 04 làn xe.</p> <p>3. Bộ Giao thông vận tải đề nghị được áp dụng chính sách mô vật liệu</p>	<p>1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSTW.</p> <p>2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04</p>	Văn bản số 11882/BGTVT-CQLXD ngày 19/10/2023 của Bộ GTVT

TT	Tên dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMBT *				Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh	
				Tổng số	Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó		Tổng số NSNN	Trong đó				
							NSTW	NSDP		NSTW				NSDP
11	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn 1) theo phương thức PPP	2024-2026	Đồng Nai	8.365.651	7.065.651	1.300.000	1.300.000		1.300.000	1.300.000		1. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1045/QĐ-TTg ngày 06/9/2022. 2. Hiện nay, đã hoàn thành Báo cáo NCKT, đang trình Hội đồng thẩm định liên ngành tổ chức thẩm định, dự kiến phê duyệt dự án đầu tư cuối năm 2023 3. Bộ Giao thông vận tải đề nghị được áp dụng chính sách mô vật liệu	1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSTW. 2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04	Văn bản số 11882/BGTVT-CQLXD ngày 19/10/2023 của Bộ GTVT
12	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận	2023-2025	Kiên Giang, Bạc Liêu.	3.904.072		3.904.072	3.904.072		3.123.730	3.123.730		1. Dự án được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 255/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ GTVT đã việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án tại Quyết định số 1200/QĐ-BGTVT. 2. Đang thiết kế kỹ thuật, dự kiến phê duyệt TKKT và lựa chọn nhà thầu trong Quý IV/2023. 3. Bộ Giao thông vận tải đề nghị được áp dụng chính sách mô vật liệu	1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSTW. 2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04	Văn bản số 11882/BGTVT-CQLXD ngày 19/10/2023 của Bộ GTVT
13	Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng	2023-2028	Trà Vinh, Sóc Trăng	7.962.148		7.962.148	7.962.148		5.246.000	5.246.000		1. Dự án được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 878/QĐ-TTg ngày 22/7/2022; Bộ GTVT phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1703/QĐ-BGTVT ngày 23/12/2022; 2. Đã khởi công ngày 15/10/2023. Tuy nhiên, theo báo cáo của các đơn vị thi công, thực trạng nguồn cung cấp các vật liệu đầu vào đang rất khan hiếm và khó khăn, đặc biệt là vật liệu cát đắp và cát xây dựng. 3. Bộ Giao thông vận tải đề nghị được áp dụng chính sách mô vật liệu	1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSTW. 2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04	Văn bản số 11882/BGTVT-CQLXD ngày 19/10/2023 của Bộ GTVT
14	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1)	2020-2025	Cao Bằng, Lạng Sơn	14.331.618	7.751.618	6.580.000	2.500.000	4.080.000	6.580.000	2.500.000	4.080.000	1. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư tại quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2022, điều chỉnh tại quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023; giao UBND tỉnh Cao Bằng là Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định đầu tư, ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm cả vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện dự án; 2. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường	1. Dự án đã rõ nguồn vốn NSDP và NSTW. 2. Đề xuất phù hợp với chính sách số 04	Văn bản số 2879/TT-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng
15	Dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến nối Cầu Thu - Hậu Giang (Quốc lộ 61C).	2023-2028	Hậu Giang	5.179.350		5.179.350	3.556.690	1.622.660	228.420	228.420		1. Dự án nằm trong Danh mục các dự án phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu được Chính phủ thống qua tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 18/7/2023. 2. Tỉnh đề nghị được áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.	1. Dự án đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề xuất, đã được Chính phủ thống qua nguồn vốn trong danh mục các dự án phát triển bền vững ĐBSCL 2. Dự án đề xuất phù hợp với chính sách số 04	Văn bản số 1600/UBND-NCTH ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang

TT	Tên dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMBT *				Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất áp dụng cơ chế đặc thù trong khai thác khoáng sản	Đánh giá chung	Số công văn đề xuất của Tỉnh	
				Tổng số	Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó		Tổng số NSNN	Trong đó				
							NSTW	NSDP		NSTW				NSDP
16	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi Cồn Vành, đoạn từ thành phố Thái Bình đến Quốc lộ 37B	2024-2029	Thái Bình	3.352.470		3.352.470	3.352.470		300.000		300.000	<p>1. Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết nghị số 10/NQ-HĐND ngày 29/4/2022</p> <p>2. Để đáp ứng nhu cầu tiến độ thực hiện dự án (từ năm 2024 đến năm 2029), đề nghị áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, cụ thể: Nhà thầu thi công dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án; việc khai thác mỏ khoáng sản được thực hiện đến khi hoàn thành dự án.</p>		Văn bản số 3673/UBND-CTXDGT ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Thái Bình

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục V

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỚI MỨC VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ TỪ NGUỒN TĂNG THU NSTW NĂM 2022; SỐ VỐN CÒN THIẾU SẼ ĐƯỢC BỔ TRÍ KHI CÓ ĐIỀU KIỆN HOẶC TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Tờ trình tóm tắt số 611/TTr-CP ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Dự kiến số vốn còn thiếu	Tỷ lệ số vốn còn thiếu so với số vốn NSTW cần bổ trí
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
				NSTW	NSĐP	Cam kết bổ trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)			
	Bộ Giao thông vận tải								
1	Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cao Bồ - Mai Sơn	2024-2026	2.000.000	2.000.000		1.200.000	800.000	40,00%	
	Ninh Bình								
2	Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải phòng đoạn qua tỉnh Ninh Bình	2023-2026	6.865.000	4.865.000	2.000.000	3.000.000	1.865.000	38,34%	
	Thái Bình								
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình, theo phương thức PPP.	2024-2027	18.823.480	6.207.000	3.105.000	9.511.480	6.200.000	7.000	0,11%
	Bình Phước								
4	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	2023-2026	1.474.000	1.160.000	314.000	1.000.000	160.000	13,79%	
	Bình Dương								

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Dự kiến số vốn còn thiếu	Tỷ lệ số vốn còn thiếu so với số vốn NSTW cần bố trí
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
				NSTW	NSDP	Cam kết bố trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)			
5	Dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành - Đoạn qua tỉnh Bình Dương	2023 - 2027	16.196.000	5.910.000	1.478.000	8.808.000	4.000.000	1.910.000	32,32%
Thành phố Cần Thơ									
6	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0 - Km7), thành phố Cần Thơ	2023-2027	7.193.000	7.193.000			3.235.000	3.958.000	55,03%

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục VI

DANH MỤC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ ĐÃ CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TƯƠNG ỨNG VỚI SỐ VỐN NSTW BỔ TRÍ TĂNG THÊM CHO DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Tờ trình tóm tắt số 611/TTr-CP ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Ghi chú và Văn bản đề xuất
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				NSTW	NSDP	Cam kết bố trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)		
1	2	4	5	6	7	8		
TỔNG SỐ								
Lạng Sơn			10.620.000	3.500.000	1.500.000		1.000.000	
1	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	2023-2025	10.620.000	3.500.000	1.500.000		1.000.000	Văn bản số 06/TTr-UBND ngày 10/02/2023 và 47/UBND-KT ngày 30/03/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn
Sơn La			3.790.000	3.400.000	390.000		1.700.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua tỉnh Sơn La.	2023 - 2026	3.790.000	3.400.000	390.000		1.700.000	Văn bản số 729/UBND-TH ngày 10/3/2023; 135/BC-UBND ngày 30/03/2023 của UBND tỉnh Sơn La
Thừa Thiên Huế			3.496.000	3.496.000			400.000	
3	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An (giai đoạn 1)	2021-2026	3.496.000	3.496.000			400.000	Văn bản số 1516/TTr-UBND ngày 24/02/2023 và 2766/TTr-UBND ngày 29/3/2023; 124/UBND-XDCB ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
Bắc Kạn			3.837.809	3.560.000	277.809		1.000.000	
4	Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hàng, Tuyên Quang	2022 - 2025	3.837.809	3.560.000	277.809		1.000.000	Văn bản 256/UBND-GTCNXD ngày 12/01/2023; 106/UBND-TH ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn
Quảng Ngãi			3.500.000	3.000.000	500.000		800.000	

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *			Cam kết bố trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Ghi chú và Văn bản đề xuất
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				NSTW	NSDP			
5	Dự án đường Hoàng Sa - Đốc Sỏi	2022-2027	3.500.000	3.000.000	500.000	800.000	Văn bản số 387/UBND-KTTH ngày 06/02/2023; 1298/UBND-KTTH ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	
	Tiền Giang, Đồng Tháp		7.822.000	7.822.000	-	1.610.000		
6	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1	2023-2026	7.822.000	7.822.000		1.610.000	1.610.000	
	Tuyên Quang		3.753.000	2.900.000	853.000	800.000		
7	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2023	3.753.000	2.900.000	853.000	800.000	Văn bản số 870/UBND-ĐTĐD ngày 12/3/2023 và 1275/UBND-ĐTĐD ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang	

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục VII

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH KHI CÓ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐƯỢC PHÉP PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN TRONG 03 NĂM 2023-2025

(Ban hành kèm theo Tờ trình tóm tắt số 611/TT-CP ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Văn bản đề xuất	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					NSTW	NSĐP	Quỹ PTHĐSN của BV			Cam kết bổ trợ vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)
	TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022			144.230.289	82.825.000	24.105.809	0	37.299.480	48.665.000	
A	TRUNG ƯƠNG			27.910.000	27.910.000	0	0	0	14.310.000	
	Bộ Giao thông vận tải			27.910.000	27.910.000				14.310.000	
	Hạ tầng giao thông			27.910.000	27.910.000	0		0	14.310.000	
1	Mở rộng cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn La Sơn - Hòa Liên	Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng	2023-2025	3.011.000	3.011.000	0		0	3.011.000	Văn bản số 159/BGTVT-KHĐT ngày 31/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải
2	Đầu tư tuyến nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ	Phú Thọ	2023-2025	1.100.000	1.100.000	0		0	1.100.000	Văn bản số 159/BGTVT-KHĐT ngày 31/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải
3	Đầu tư cao tốc Chợ Mới - Bắc Kạn	Bắc Kạn	2023-2026	5.751.000	5.751.000				2.989.000	Văn bản số 159/BGTVT-KHĐT ngày 31/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải
4	Nâng cấp, mở rộng một số cầu, hầm trên quốc lộ I (các cầu Xương Giang, Gianh, Quán Hàu và hầm Đèo Ngang)	Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Bình	2023-2025	2.000.000	2.000.000				2.000.000	Văn bản số 159/BGTVT-KHĐT ngày 31/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải
5	Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 24B đoạn Km23 - Km29	Quảng Ngãi	2023-2025	600.000	600.000				600.000	Văn bản số 159/BGTVT-KHĐT ngày 31/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải
6	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn I	Tiền Giang, Đồng Tháp	2023-2026	7.822.000	7.822.000				1.610.000	Văn bản số 8780/BGTVT-KHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Giao thông vận tải
7	Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cao Bồ - Mai Sơn	Ninh Bình	2024-2026	2.000.000	2.000.000				1.200.000	Văn bản số 8780/BGTVT-KHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Giao thông vận tải

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư				Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Văn bản đề xuất	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					NSTW	NSDP	Quỹ PTHDS N của BV			Cam kết bổ tri vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)
8	Đường bộ cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ	Vinh Long, Cần Thơ	2021-2025	4.826.000	4.826.000			1.000.000	Văn bản số 8780/BGTVT-KHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Giao thông vận tải	
9	Cầu đường sắt Cẩm Lý Km24+134 tuyến đường sắt Kép - Hạ Long**	Bắc Giang	2023-2025	800.000	800.000			800.000	Văn bản số 8780/BGTVT-KHĐT ngày 10/8/2023; 11833/BGTVT-KHĐT ngày 18/10/2023 của Bộ Giao thông vận tải	
B	ĐỊA PHƯƠNG			116.320.289	54.915.000	24.105.809	0	37.299.480	34.355.000	
I	Đầu tư các tuyến cao tốc và quốc lộ			88.074.480	33.342.000	19.033.000	0	35.699.480	23.100.000	
	Lạng Sơn			10.620.000	3.500.000	1.500.000		5.620.000	1.000.000	
10	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Các huyện Chi Lăng, Cao Lộc, Văn Lãng, thành phố Lạng Sơn	2023-2025	10.620.000	3.500.000	1.500.000		5.620.000	1.000.000	Văn bản số 06/TTr-UBND ngày 10/02/2023 và 47/UBND-KT ngày 30/03/2023; số 1458/UBND-KT ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn
	Tuyên Quang			3.753.000	2.900.000	853.000			800.000	
11	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Phú Thọ	2021-2023	3.753.000	2.900.000	853.000			800.000	Văn bản số 870/UBND-ĐTĐXD ngày 12/3/2023 và 1275/UBND-ĐTĐXD ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang
	Sơn La			3.790.000	3.400.000	390.000			1.700.000	
12	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Hòa Bình- Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Huyện Vân Hồ, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2023-2026	3.790.000	3.400.000	390.000			1.700.000	Văn bản số 729/UBND-TH ngày 10/3/2023; 135/BC-UBND ngày 30/03/2023 của UBND tỉnh Sơn La
	Ninh Bình			6.865.000	4.865.000	2.000.000			3.000.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Văn bản đề xuất
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Quỹ PTHDS N của BV		
13	Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải phòng đoạn qua tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	2023-2026	6.865.000	4.865.000	2.000.000		3.000.000	Văn bản số 234/UBND-VP4 ngày 22/3/2023; 84/UBND-VP4 ngày 31/03/2023; 341/UBND-VP4 ngày 20/4/2023 và 375/UBND-VP4 ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình
Thái Bình				18.823.480	6.207.000	3.105.000		6.200.000	
14	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc CT.03, đoạn Nam Định - Thái Bình	Tỉnh Nam Định và tỉnh Thái Bình	2024-2027	18.823.480	6.207.000	3.105.000	9.511.480	6.200.000	Văn bản số 134/BC-UBND ngày 15/12/2022 và 74/UBND-KT ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Thái Bình
Bình Phước				1.474.000	1.160.000	314.000	0	1.000.000	
15	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	2023-2026	1.474.000	1.160.000	314.000		1.000.000	Văn bản số 81/UBND-TH ngày 31/03/2023; 1264/UBND-TH ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh Bình Phước
Bình Dương				16.196.000	5.910.000	1.478.000	8.808.000	4.000.000	
16	Dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - Đoạn qua tỉnh Bình Dương	Thị xã Tân Uyên, Huyện Bắc Tân Uyên, Huyện Bàu Bàng, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	2023 - 2027	16.196.000	5.910.000	1.478.000	8.808.000	4.000.000	Văn bản số 825/UBND-KT ngày 28/02/2023; 1025/UBND-KT ngày 10/3/2023 và 1512/UBND-KT ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Bình Dương
Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài				7.032.000	2.900.000	4.132.000	0	2.900.000	
Thành phố Hồ Chí Minh				5.500.000	1.368.000	4.132.000	-	1.368.000	
17	Đầu tư xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh)	Tây Ninh, TPHCM	2024-2027	5.500.000	1.368.000	4.132.000		1.368.000	Văn bản số 961/UBND-DA ngày 17/03/2023 và 1506/UBND-DA ngày 15/4/2023, 1665/UBND-DA ngày 26/4/2023 của UBND thành phố HCM
Tây Ninh				1.532.000	1.532.000	0		1.532.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Văn bản đề xuất
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Quỹ PTHDS N của BV		
18	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua tỉnh Tây Ninh)	Thị xã Trảng Bàng và các huyện Gò Dầu, Bến Cầu	2023-2025	1.532.000	1.532.000			1.532.000	Văn bản số 59/UBND-KT ngày 3/4/2023, 1254/UBND-KT ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh
Lâm Đồng				19.521.000	2.500.000	5.261.000		11.760.000	2.500.000
19	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương, tỉnh Lâm Đồng theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1)	Thành phố Bảo Lộc, các huyện: Bảo Lâm, Di Linh, Đức Trọng	2022-2027	19.521.000	2.500.000	5.261.000	11.760.000	2.500.000	Văn bản số 1085/TTr-UBND ngày 16/02/2023 và 52/UBND-TH ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng
II	Các tuyến đường ven biển hình thành kết nối giao thông liên vùng, các nguồn lực mới để phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với chiến lược quốc gia về kinh tế biển Việt Nam			7.228.000	4.000.000	3.228.000	-	2.400.000	
Quảng Trị				600.000	600.000			600.000	
20	Dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến qua khu vực cầu Cửa Tùng và Cửa Việt	Các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	2023-2024	600.000	600.000			600.000	Văn bản số 10/TTr-UBND ngày 02/3/2023; 66/BC-UBND ngày 31/03/2023 của UBND Quảng Trị
Thừa Thiên Huế				2.400.000	2.000.000	400.000		400.000	
21	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An (giai đoạn 1)	T.Huế, P.Điền, P.Vang, P.Lộc	2021-2026	2.400.000	2.000.000	400.000		400.000	Văn bản số 1516/TTr-UBND ngày 24/02/2023 và 2766/TTr-UBND ngày 29/3/2023
Phú Yên				2.228.000	800.000	1.428.000		800.000	
22	Dự án tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An- thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1)	Huyện Tuy An- thành phố Tuy Hòa	2023-2027	2.228.000	800.000	1.428.000		800.000	Văn bản số 693/UBND-KT ngày 21/02/2023 và 1338/UBND-KT ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Phú Yên
Khánh Hòa				2.000.000	600.000	1.400.000		600.000	
23	Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	Huyện Vạn Ninh, Thị xã Ninh Hòa	2023-2027	2.000.000	600.000	1.400.000		600.000	Văn bản số 1068/UBND-KT ngày 10/02/2023 và 177/UBND-KT ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Văn bản đề xuất	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					NSTW	NSĐP	Quy PTHĐSN của BV			Cam kết bổ trợ vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)
III	Dự án kết nối đồng bộ giao thông với các khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển, các dự án kết nối nội vùng			20.597.809	17.153.000	1.844.809	-	1.600.000	8.435.000	
	Bắc Kạn			3.837.809	3.560.000	277.809			1.000.000	
24	Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Tuyên Quang	2022 - 2025	3.837.809	3.560.000	277.809			1.000.000	Văn bản 256/UBND-GTCNXD ngày 12/01/2023; 106/UBND-TH ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn
	Hải Dương			1.867.000	1.000.000	867.000			1.000.000	
25	Dự án đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối Quốc lộ 17B với Quốc lộ 5, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hải Dương.	Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	2023-2026	1.867.000	1.000.000	867.000			1.000.000	Văn bản số 390/UBND-VP ngày 16/02/2023 và 42/UBND-VP ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Hải Dương
	Bình Định			1.000.000	800.000	200.000			800.000	
26	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn	thị xã An Nhơn, huyện Vân Canh	2023-2025	1.000.000	800.000	200.000			800.000	453/UBND-KT ngày 06/02/2023; 77/UBND-TH.m ngày 31/3/2023
	Quảng Ngãi			3.500.000	3.000.000	500.000			800.000	
27	Dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	Bình Sơn, Sơn Tịnh và TPQN	2022-2027	3.500.000	3.000.000	500.000			800.000	Văn bản số 387/UBND-KTTH ngày 06/02/2023; 1298/UBND-KTTH ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
	Vĩnh Long			3.200.000	1.600.000			1.600.000	1.600.000	
28	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Đinh Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre (PPP)	Tỉnh Vĩnh Long và Tỉnh Bến Tre	2023-2027	3.200.000	1.600.000			1.600.000	1.600.000	UBND tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre tại văn bản số 01/TTr-LTVL-BT ngày 07/02/2023 và 64/TTr-UBND ngày 31/3/2023
	Thành phố Cần Thơ			7.193.000	7.193.000				3.235.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *					Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Văn bản đề xuất
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					NSTW	NSDP	Quỹ PTHĐSN của BV	Cam kết bổ trợ vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)		
29	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0 - Km7), thành phố Cần Thơ	Bình Thủy - Ninh Kiều	2023-2027	7.193.000	7.193.000				3.235.000	Văn bản số 554/UBND-XDĐT Ngày 23/02/2023 và 1015/UBND-XDĐT ngày 29/03/2023, 1314/UBND-XDĐT của UBND thành phố Cần Thơ
IV	Hỗ trợ đầu tư tuyến đường từ thị trấn Sơn Dương đi xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			420.000	420.000				420.000	
30	Tuyến đường từ thị trấn Sơn Dương đi xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.	Tuyến đường chạy qua địa phận thị trấn Sơn Dương và các xã Tú Thịnh, xã Minh Thanh, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.	2023-2025	420.000	420.000				420.000	Văn bản số 1229/UBND-ĐTĐXD ngày 29/03/2023 và 1275/UBND-ĐTĐXD ngày 31/03/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

(**) Dự án sẽ triển khai xây dựng 01 cầu đường bộ song song với cầu đường sắt Cẩm Lý hiện tại để phục vụ các phương tiện đường bộ (cầu đường sắt Cẩm Lý cơ bản giữ nguyên chi để phục vụ tuyến tàu hỏa Kép - Hạ Long). Như vậy, về dự án cầu đường sắt Cẩm Lý (tách riêng cầu đường bộ - đường sắt) là dự án thuộc lĩnh vực đường bộ

Phụ lục VIII

BỔ TRÍ VỐN TĂNG THU NSTW NĂM 2022 ĐỂ THANH TOÁN CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG (BAO GỒM PHẦN CHẬM TRẢ) CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THUỘC NHIỆM VỤ CỦA NSTW PHÁT SINH SAU KHI DỰ ÁN ĐÃ QUYẾT TOÁN
(Ban hành kèm theo Tờ trình tóm tắt số 611/TTr-CP ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Cam kết bố trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	Đề xuất bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	Văn bản đề xuất
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
				NSTW	NSDP	Quỹ PTHĐSN của BV			
1	2	4	5	6	7	8			
	Nhiệm vụ chi của NSTW								
	Tỉnh Nghệ An								
1	Giải quyết khiếu nại đền bù giải phóng mặt bằng các dự án mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua Nghệ An		1.275.000	1.275.000				1.275.000	Văn bản số 159/BGT/VT-KHDT ngày 31/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Nghị quyết số: /2023/QH15

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2023

DỰ THẢO

Nghị quyết của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 63/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 417/TTr-CP ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 2284/BC-UBKT15 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban Kinh tế và số BC-UBKT15 ngày ... tháng 10 năm 2023., Thông báo số 2886/TB-UBTVQH15 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến của các đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ về: tỷ lệ vốn nhà nước tham gia trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); thẩm quyền thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc, dự án giao thông đường bộ đi qua nhiều địa phương; cơ chế, chính sách đặc thù trong khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và cơ chế đặc thù áp dụng đối với các dự án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện đầu tư các dự án giao thông đường bộ thuộc phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn dự án thí điểm

1. Có đề xuất bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải và/hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Đã xác định hoặc dự kiến được nguồn vốn đầu tư để có thể triển khai thực hiện dự án; trường hợp sử dụng vốn ngân sách địa phương phải có cam kết bố trí vốn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi cấp có thẩm quyền quyết định danh mục dự án được áp dụng chính sách thí điểm.

3. Có địa điểm, thời gian thực hiện rõ ràng, cụ thể.

4. Các dự án đề xuất phải thuộc một trong các nhóm chính sách đang đề xuất thí điểm của Nghị quyết này.

Điều 4. Về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Đối với các dự án giao thông đường bộ, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án. *(Danh mục dự án kèm theo tại Phụ lục số 01)*

2. Đối với các dự án có nhu cầu thí điểm, nếu đáp ứng nguyên tắc, cơ quan có thẩm quyền báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định trong thời gian giữa hai kỳ họp.

Điều 5. Về thẩm quyền thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc đi qua các địa phương

1. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc đi qua địa phương mình. *(Danh mục dự án kèm theo tại Phụ lục số 02)*

2. Đối với các dự án đường quốc lộ, đường cao tốc có nhu cầu thí điểm, nếu đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí, thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, chấp thuận về việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về vấn đề nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc.

b) Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc.

c) Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có khả năng bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương (bao gồm cả vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương nếu

có) làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc đi qua địa phương mình.

3. Các địa phương được phân cấp thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và triển khai thực hiện đầu tư dự án đường quốc lộ, đường cao tốc theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Về việc quản lý tài sản sau đầu tư

a) Đối với cấp công trình thuộc trung ương quản lý: sau khi hoàn thành xây dựng dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bàn giao công trình cho Bộ Giao thông vận tải quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định hiện hành liên quan.

b) Đối với các công trình thuộc địa phương quản lý: địa phương quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

5. Việc quyết toán vốn đầu tư dự án sau khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 6. Về các dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương

1. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định giao một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương và sử dụng ngân sách địa phương này hỗ trợ vốn đầu tư cho địa phương khác để đầu tư thực hiện dự án. *(Danh mục dự án kèm theo tại Phụ lục số 03)*

2. Đối với các dự án có nhu cầu thí điểm, nếu đáp ứng nguyên tắc, tiêu chí, thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có dự án giao thông đường bộ đi qua báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp để chấp thuận việc thực hiện đầu tư dự án và đồng thuận với địa phương còn lại về cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án theo một trong những nguyên tắc: tỷ trọng vốn đầu tư lớn hơn, khối lượng công việc nhiều hơn hoặc theo thỏa thuận giữa các địa phương.

b) Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thống nhất làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án thống nhất việc sử dụng ngân sách địa phương này (bao gồm cả vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương nếu có) hỗ trợ địa phương khác để đầu tư dự án.

d) Trong thời gian giữa hai kỳ họp, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc giao cho một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án qua nhiều địa phương.

đ) Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao một Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao làm cơ quan chủ quản thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và triển khai thực hiện đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Về việc quản lý tài sản sau đầu tư

a) Đối với các công trình thuộc trung ương quản lý: sau khi hoàn thành xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bàn giao công trình cho Bộ Giao thông vận tải quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì theo quy định hiện hành liên quan.

b) Đối với các công trình thuộc địa phương quản lý: sau khi hoàn thành công trình, các địa phương chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đối với phần công trình nằm trên địa bàn mình hoặc thỏa thuận thống nhất phương án quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án.

5. Việc quyết toán vốn đầu tư dự án sau khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 7. Về cơ chế đặc thù trong khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường

1. Nhà đầu tư, Nhà thầu thi công không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án hạ tầng giao thông đường bộ.

Việc khai thác mỏ khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện đến khi hoàn thành dự án. Nhà đầu tư, Nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường; chịu sự quản lý, giám sát đối với việc khai thác, sử dụng khoáng sản; nộp thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật có liên quan về thuế, phí, pháp luật về bảo vệ môi trường. *(Danh mục dự án kèm theo tại Phụ lục số 04)*

2. Đối với các dự án có nhu cầu thí điểm, nếu đáp ứng nguyên tắc, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc bổ sung Danh mục dự án trong thời gian giữa hai kỳ họp.

Điều 8. Về cơ chế đặc thù áp dụng đối với các dự án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022

1. Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 căn cứ các nguồn vốn: dự kiến từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022, dự kiến vốn ngân sách nhà nước trong năm 2024-2025 khi có điều kiện hoặc trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030. *(Danh mục dự án kèm theo tại Phụ lục số 05)*

2. Các dự án do địa phương quản lý đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư tương ứng với số vốn ngân sách trung ương bố trí tăng thêm cho dự án từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022. (Danh mục dự án kèm theo tại Phụ lục số 06)

3. Giao kế hoạch từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 cho các dự án khi các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và nguồn vốn này được thực hiện và giải ngân trong 03 năm từ 2023-2025. (Danh mục dự án kèm theo tại Phụ lục số 07)

4. Bố trí vốn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 để thanh toán chi phí giải phóng mặt bằng (bao gồm phần chậm trả) các dự án giao thông đường bộ thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương phát sinh sau khi dự án đã quyết toán. (Danh mục dự án kèm theo tại Phụ lục số 8)

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp đầu năm 2026.

2. Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm trong việc quyết định, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, hiệu quả của dự án.

3. Nghị quyết chỉ quy định về các cơ chế, chính sách áp dụng cho các dự án theo danh mục thí điểm kèm theo Nghị quyết. Các nội dung về thông tin dự án như tên dự án, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, trong quá trình thực hiện cần điều chỉnh thì thực hiện theo quy định pháp luật liên quan do cấp thẩm quyền quyết định.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh được phân cấp hoặc được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan chủ quản:

a) Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Luật Xây dựng và các quy định khác có liên quan; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được phân cấp, được giao làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư dự án và có cơ chế kiểm tra, giám sát, thanh tra bảo đảm không để xảy ra việc trục lợi chính sách, lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về việc kiện toàn nhân sự, đảm bảo đủ năng lực, kinh nghiệm của Ban Quản lý dự án trực thuộc hoặc tư vấn quản lý dự án theo văn bản đã cam kết; tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện về đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định phân cấp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan chủ quản.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và được thực hiện đến năm 2025 đối với các cơ chế đặc thù quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7 của Nghị quyết. Đối với các cơ chế đặc thù quy định tại Điều 8, trình Quốc hội chấp thuận chủ trương một lần.

2. Các dự án được áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước, được phân cấp thẩm quyền đầu tư, giao cơ quan chủ quản và cơ chế đặc thù trong khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của Nghị quyết này được thực hiện đến khi hoàn thành dự án.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày tháng 11 năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH VỀ TỶ LỆ VỐN NHÀ NƯỚC TRONG DỰ ÁN PPP
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/QH15 ngày tháng năm 2023 của Quốc hội)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến tổng mức đầu tư dự án*					Tỷ lệ NSNN/ Tổng mức đầu tư	Dự kiến nguồn vốn trong giai đoạn 2021 - 2025			Cơ quan chủ quản	
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:					Tổng số NSNN	Tổng số NSNN	Trong đó		
					Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó:					NSTW		NSDP
							NSTW	NSDP						
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình	2019-2023	Thái Bình	3.872.000	1.290.538	2.581.462			1.000.000		1.000.000	UBND tỉnh Thái Bình		

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án lên 4.984 tỷ đồng

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH VỀ GIAO THÂM QUYỀN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG LÀM CƠ QUAN CHỦ QUẢN, SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUỐC LỘ, CAO TỐC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/QH15 ngày tháng năm 2023 của Quốc hội)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMBĐT *				Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất địa phương làm cơ quan chủ quản
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:		
					Vốn NSNN				NSTW	NSDP	
					Tổng số	NSTW	NSDP				
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua tỉnh Sơn La	2023 - 2026	Sơn La	4.190.000	4.190.000	3.500.000	690.000	3.790.000	3.400.000	390.000	Sơn La
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Ninh Bình.	2023-2027	Ninh Bình	6.865.000	6.865.000	4.865.000	2.000.000	4.400.000	3.000.000	1.400.000	Ninh Bình
3	Dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến nối Cần Thơ - Hậu Giang (Quốc lộ 61C).	2023-2028	Hậu Giang	5.179.350	5.179.350	3.556.690	1.622.660	228.420	228.420		Hậu Giang
4	Dự án: "Phát triển mạng lưới giao thông vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu - Dự án 1: Nâng cấp, mở rộng QL61C, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ và Đường kết nối quận Ô Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa phận thành phố Cần Thơ)	2024-2028	Cần Thơ	6.433.000	6.433.000	3.940.200	2.492.800	394.020	394.020		Cần Thơ

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMDT *				Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất địa phương làm cơ quan chủ quản
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:		
					Vốn NSNN				NSTW	NSDP	
					Tổng số	NSTW	NSDP				
5	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0 - Km7), thành phố Cần Thơ	2023-2027	Cần Thơ	7.193.000	7.193.000	7.193.000		3.235.000	3.235.000		Cần Thơ
6	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	2024-2025	Khánh Hòa	740.000	740.000		740.000	740.000		740.000	Khánh Hòa
7	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường QL.14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	2022-2025	Bình Phước	1.450.000	1.450.000		1.450.000	210.000		210.000	Bình Phước

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH VỀ GIAO MỘT ĐỊA PHƯƠNG LÀM CƠ QUAN CHỦ QUẢN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ QUA NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG NÀY HỖ TRỢ VỐN CHO ĐỊA PHƯƠNG KHÁC (CHÍNH SÁCH 03)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/QH15 ngày tháng năm 2023 của Quốc hội)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa phương thuộc phạm vi dự án	Dự kiến TMDT *					Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất địa phương làm cơ quan chủ quản
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
					Vốn Nhà đầu tư	Vốn NSNN				NSTW	NSDP	
						Tổng số	NSTW	NSDP				
1	Dự án Hàm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	2023 - 2026	Lai Châu, Lào Cai	3.300.000		3.300.000	2.500.000	800.000	2.820.000	2.500.000	320.000	Lai Châu
2	Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang.	2022 - 2025	Bắc Kạn, Tuyên Quang	3.837.809		3.837.809	3.560.000	277.809	3.837.809	3.560.000	277.809	Bắc Kạn
3	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Kênh Vàng và đường dẫn hai đầu cầu, kết nối hai tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương	2021 - 2025	Bắc Ninh, Hải Dương	1.590.000		1.590.000	900.000	690.000	1.590.000	900.000	690.000	Bắc Ninh
4	Cầu Quảng Đà và đường dẫn đầu cầu	2023 - 2026	Đà Nẵng, Quảng Nam	274.000		274.000		274.000	274.000		274.000	Đà Nẵng
5	Dự án đầu tư xây dựng cầu Đinh Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo hình thức đối tác công tư	2023-2027	Vĩnh Long, Bến Tre	3.200.000	1.100.000	2.100.000	1.600.000	500.000	2.100.000	1.600.000	500.000	Vĩnh Long

TT	Dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa phương thuộc phạm vi dự án	Dự kiến TMDT *					Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025			Đề xuất địa phương làm cơ quan chủ quản
				Tổng số	Vốn Nhà đầu tư	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số	Trong đó:			NSTW	NSDP	
							NSTW	NSDP				
6	Dự án mở rộng Đường tỉnh 879B từ cầu Gò Cát đến ranh Long An	2021-2024	Tiền Giang, Long An	257.844		257.844	180.000	77.844	257.844	180.000	77.844	Tiền Giang
7	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 1)	2020-2025	Cao Bằng, Lạng Sơn	14.331.618	7.751.618	6.580.000	2.500.000	4.080.000	6.580.000	2.500.000	4.080.000	Cao Bằng
8	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tả Năng huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng	2021-2024	Ninh Thuận, Lâm Đồng	1.494.746		1.494.746	1.230.550	264.196	1.494.746	1.230.550	264.196	Ninh Thuận
9	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1	2023-2026	Tiền Giang, Đồng Tháp	7.822.000		7.822.000	7.822.000	0	5.096.800	5.096.800	0	Tiền Giang
10	Dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến nối Cần Thơ - Hậu Giang (Quốc lộ 61C).	2023-2028	Hậu Giang, Cần Thơ	5.179.350		5.179.350	3.556.690	1.622.660	228.420	228.420		Hậu Giang

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục IV

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THÍ ĐIỂM CHÍNH SÁCH VỀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/QH15 ngày tháng năm 2023 của Quốc hội)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMĐT *					Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025		
				Tổng số	Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó		Tổng số NSNN	Trong đó	
							NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình, theo phương thức PPP.	2023-2027	Nam Định, Thái Bình	18.823.480	9.511.480	9.312.000	6.206.000	3.106.000	9.312.000	6.206.000	3.106.000
2	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	2023 - 2026	Tam Đường Lai Châu và Sa Pa, Lào Cai	3.300.000		3.300.000	2.500.000	800.000	2.820.000	2.500.000	320.000
3	Xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, (đoạn qua tỉnh Ninh Bình).	2023-2027	Ninh Bình	6.865.000		6.865.000	4.865.000	2.000.000	4.400.000	3.000.000	1.400.000
4	Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cao Bồ - Mai Sơn	2024-2027	Ninh Bình	2.000.000		2.000.000	2.000.000		2.000.000	2.000.000	
5	Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) - Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng) theo phương thức đối tác công tư	2023-2026	Đồng Nai, Lâm Đồng	18.120.000	11.620.000	6.500.000	2.000.000	4.500.000	6.500.000	2.000.000	4.500.000
6	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1)	2022 - 2026	Lâm Đồng	19.521.000	11.760.000	7.761.000	2.500.000	5.261.000	7.761.000	2.500.000	5.261.000

TT	Tên dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMDT *					Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025		
				Tổng số	Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó		Tổng số NSNN	Trong đó	
							NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
7	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn I	2023-2026	Tiền Giang, Đồng Tháp	7.822.000		7.822.000	7.822.000		5.096.800	5.096.800	
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình Mỹ An - Cao Lãnh giai đoạn I	2024-2027	Đồng Tháp	6.209.770		6.209.770	6.209.770		3.700.000	3.700.000	
9	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến Cao Lãnh - Lộ Tè trên địa phận tỉnh Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ để tổ chức lại giao thông	2023-2025	Đồng Tháp, Cần Thơ	950.000		950.000	950.000		950.000	950.000	
10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến Chợ Mới - Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	2024-2026	Bắc Kạn	5.751.000		5.751.000	5.751.000		4.908.000	4.908.000	
11	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn I) theo phương thức PPP	2024-2026	Đồng Nai	8.365.651	7.065.651	1.300.000	1.300.000		1.300.000	1.300.000	
12	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhứt, Gò Quao - Vĩnh Thuận	2023-2025	Kiên Giang, Bạc Liêu.	3.904.072		3.904.072	3.904.072		3.123.730	3.123.730	
13	Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng	2023-2028	Trà Vinh, Sóc Trăng	7.962.148		7.962.148	7.962.148		5.246.000	5.246.000	
14	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn I)	2020-2025	Cao Bằng, Lạng Sơn	14.331.618	7.751.618	6.580.000	2.500.000	4.080.000	6.580.000	2.500.000	4.080.000

TT	Tên dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Địa điểm xây dựng	Dự kiến TMĐT *					Dự kiến nguồn vốn NSNN 2021 - 2025		
				Tổng số	Vốn Nhà đầu tư	Tổng số NSNN	Trong đó		Tổng số NSNN	Trong đó	
							NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
15	Dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến nối Cầu Thơ - Hậu Giang (Quốc lộ 61C).	2023-2028	Hậu Giang	5.179.350		5.179.350	3.556.690	1.622.660	228.420	228.420	
16	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ thành phố Thái Bình đi Cồn Vành, đoạn từ thành phố Thái Bình đến Quốc lộ 37B.	2024-2029	Thái Bình	3.352.470		3.352.470	3.352.470		300.000		300.000

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục V

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN MỚI TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỚI MỨC VỐN DỰ KIẾN BỔ TRÍ TỪ NGUỒN TĂNG THU NSTW NĂM 2022; SỐ VỐN CÒN THIẾU SẼ ĐƯỢC BỔ TRÍ KHI CÓ ĐIỀU KIỆN HOẶC TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2026-2030
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/QH15 ngày tháng năm 2023 của Quốc hội)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
				NSTW	NSDP	Cam kết bổ trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	
	Bộ Giao thông vận tải						
1	Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cao Bồ - Mai Sơn	2024-2026	2.000.000	2.000.000			1.200.000
	Ninh Bình						
2	Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải phòng đoạn qua tỉnh Ninh Bình	2023-2026	6.865.000	4.865.000	2.000.000		3.000.000
	Thái Bình						
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định và Thái Bình, theo phương thức PPP	2024-2027	18.823.480	6.207.000	3.105.000	9.511.480	6.200.000
	Bình Phước						

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
				NSTW	NSDP	Cam kết bố trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	
4	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	2023-2026	1.474.000	1.160.000	314.000		1.000.000
Bình Dương							
5	Dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành - Đoạn qua tỉnh Bình Dương	2023 - 2027	16.196.000	5.910.000	1.478.000	8.808.000	4.000.000
Thành phố Cần Thơ							
6	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0 - Km7), thành phố Cần Thơ	2023-2027	7.193.000	7.193.000			3.235.000

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục VI

DANH MỤC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ ĐÃ CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TƯƠNG ỨNG VỚI SỐ VỐN NSTW BỐ TRÍ TĂNG THÊM CHO DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/QH15 ngày tháng năm 2023 của Quốc hội)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
				NSTW	NSDP	Cam kết bố trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	
1	2	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ						
	Lạng Sơn		10.620.000	3.500.000	1.500.000		1.000.000
1	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	2023-2025	10.620.000	3.500.000	1.500.000		1.000.000
	Sơn La		3.790.000	3.400.000	390.000		1.700.000
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua tỉnh Sơn La	2023- 2026	3.790.000	3.400.000	390.000		1.700.000
	Thừa Thiên Huế		3.496.000	3.496.000			400.000
3	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An (giai đoạn 1)	2021-2026	3.496.000	3.496.000			400.000
	Bắc Kạn		3.837.809	3.560.000	277.809		1.000.000

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
				NSTW	NSDP	Cam kết bỏ trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	
4	Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	2022 - 2025	3.837.809	3.560.000	277.809	1.000.000	
	Quảng Ngãi		3.500.000	3.000.000	500.000	800.000	
5	Dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	2022-2027	3.500.000	3.000.000	500.000	800.000	
	Tiền Giang, Đồng Tháp		7.822.000	7.822.000	-	1.610.000	
6	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1	2023-2026	7.822.000	7.822.000		1.610.000	
	Tuyên Quang		3.753.000	2.900.000	853.000	800.000	
7	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	2021-2023	3.753.000	2.900.000	853.000	800.000	

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

Phụ lục VII

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH KHI CÓ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐƯỢC PHÉP PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN TRONG 03 NĂM 2023-2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/QH15 ngày tháng năm 2023 của Quốc hội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Quỹ PTHĐSN của BV		Cam kết bổ trợ vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)
	TĂNG THU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022			144.230.289	82.825.000	24.105.809	0	37.299.480	48.665.000
A	TRUNG ƯƠNG			27.910.000	27.910.000	0	0	0	14.310.000
	Bộ Giao thông vận tải			27.910.000	27.910.000				14.310.000
	Hạ tầng giao thông			27.910.000	27.910.000	0		0	14.310.000
1	Mở rộng cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn La Sơn - Hòa Liên	Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng	2023-2025	3.011.000	3.011.000	0		0	3.011.000
2	Đầu tư tuyến nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ	Phú Thọ	2023-2025	1.100.000	1.100.000	0		0	1.100.000
3	Đầu tư cao tốc Chợ Mới - Bắc Kạn	Bắc Kạn	2023-2026	5.751.000	5.751.000				2.989.000
4	Nâng cấp, mở rộng một số cầu, hầm trên quốc lộ 1 (các cầu Xương Giang, Gianh, Quán Hâu và hầm Đèo Ngang)	Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Bình	2023-2025	2.000.000	2.000.000				2.000.000
5	Nâng cấp, cải tạo quốc lộ 24B đoạn Km23 - Km29	Quảng Ngãi	2023-2025	600.000	600.000				600.000
6	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1	Tiền Giang, Đồng Tháp	2023-2026	7.822.000	7.822.000				1.610.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *					Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Quỹ PTHĐSN của BV	Cam kết bổ trợ vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	
7	Mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cao Bồ - Mai Sơn	Ninh Bình	2024-2026	2.000.000	2.000.000				1.200.000
8	Đường bộ cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ	Vĩnh Long, Cần Thơ	2021-2025	4.826.000	4.826.000				1.000.000
9	Cầu đường sắt Cẩm Lý Km24+134 tuyến đường sắt Kép - Hạ Long**	Bắc Giang	2023-2025	800.000	800.000				800.000
B	ĐỊA PHƯƠNG			116.320.289	54.915.000	24.105.809	0	37.299.480	34.355.000
I	Đầu tư các tuyến cao tốc và quốc lộ			88.074.480	33.342.000	19.033.000	0	35.699.480	23.100.000
	Lạng Sơn			10.620.000	3.500.000	1.500.000		5.620.000	1.000.000
10	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Các huyện Chi Lăng, Cao Lộc, Văn Lãng, thành phố Lạng Sơn	2023-2025	10.620.000	3.500.000	1.500.000		5.620.000	1.000.000
	Tuyên Quang			3.753.000	2.900.000	853.000			800.000
11	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Phú Thọ	2021-2023	3.753.000	2.900.000	853.000			800.000
	Sơn La			3.790.000	3.400.000	390.000			1.700.000
12	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Hòa Bình- Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Huyện Vân Hồ, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2023-2026	3.790.000	3.400.000	390.000			1.700.000
	Ninh Bình			6.865.000	4.865.000	2.000.000			3.000.000
13	Dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải phòng đoạn qua tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	2023-2026	6.865.000	4.865.000	2.000.000			3.000.000
	Thái Bình			18.823.480	6.207.000	3.105.000		9.511.480	6.200.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					NSTW	NSDP	Quỹ PTHDS N của BV	
14	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc CT.08, đoạn Nam Định - Thái Bình	Tỉnh Nam Định và tỉnh Thái Bình	2024-2027	18.823.480	6.207.000	3.105.000	9.511.480	6.200.000
	Bình Phước			1.474.000	1.160.000	314.000	0	1.000.000
15	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	Tỉnh Bình Phước	2023-2026	1.474.000	1.160.000	314.000		1.000.000
	Bình Dương			16.196.000	5.910.000	1.478.000	8.808.000	4.000.000
16	Dự án đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành - Đoạn qua tỉnh Bình Dương	Thị xã Tân Uyên, Huyện Bắc Tân Uyên, Huyện Bàu Bàng, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	2023 - 2027	16.196.000	5.910.000	1.478.000	8.808.000	4.000.000
	Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài			7.032.000	2.900.000	4.132.000	0	2.900.000
	Thành phố Hồ Chí Minh			5.500.000	1.368.000	4.132.000	-	1.368.000
17	Đầu tư xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh)	Tây Ninh, TPHCM	2024-2027	5.500.000	1.368.000	4.132.000		1.368.000
	Tây Ninh			1.532.000	1.532.000	0		1.532.000
18	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài đoạn qua tỉnh Tây Ninh)	Thị xã Trảng Bàng và các huyện Gò Dầu, Bến Cầu	2023-2025	1.532.000	1.532.000			1.532.000
	Lâm Đồng			19.521.000	2.500.000	5.261.000	11.760.000	2.500.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *					Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					NSTW	NSĐP	Quỹ PTHĐSN của BV	Cam kết bố trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	
19	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương, tỉnh Lâm Đồng theo phương thức đối tác công tư (giai đoạn 1)	Thành phố Bảo Lộc, các huyện: Bảo Lâm, Di Linh, Đức Trọng	2022-2027	19.521.000	2.500.000	5.261.000		11.760.000	2.500.000
II	Các tuyến đường ven biển hình thành kết nối giao thông liên vùng, các nguồn lực mới để phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với chiến lược quốc gia về kinh tế biển Việt Nam			7.228.000	4.000.000	3.228.000	-	-	2.400.000
	Quảng Trị			600.000	600.000				600.000
20	Dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn tuyến qua khu vực cầu Cửa Tùng và Cửa Việt	Các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	2023-2024	600.000	600.000				600.000
	Thừa Thiên Huế			2.400.000	2.000.000	400.000			400.000
21	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An (giai đoạn 1)	T.Huế, P.Điễn, P.Vang, P.Lộc	2021-2026	2.400.000	2.000.000	400.000			400.000
	Phú Yên			2.228.000	800.000	1.428.000			800.000
22	Dự án tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên, đoạn kết nối huyện Tuy An- thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 1)	Huyện Tuy An- thành phố Tuy Hòa	2023-2027	2.228.000	800.000	1.428.000			800.000
	Khánh Hòa			2.000.000	600.000	1.400.000			600.000
23	Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	Huyện Vạn Ninh, Thị xã Ninh Hòa	2023-2027	2.000.000	600.000	1.400.000			600.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Quỹ PTHDS N của BV		Cam kết bổ trợ vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)
III	Dự án kết nối đồng bộ giao thông với các khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển, các dự án kết nối nội vùng			20.597.809	17.153.000	1.844.809	-	1.600.000	8.435.000
	Bắc Kạn			3.837.809	3.560.000	277.809			1.000.000
24	Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Tuyên Quang	2022 - 2025	3.837.809	3.560.000	277.809			1.000.000
	Hải Dương			1.867.000	1.000.000	867.000			1.000.000
25	Dự án đầu tư xây dựng nút giao liên thông kết nối Quốc lộ 17B với Quốc lộ 5, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, tỉnh Hải Dương.	Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	2023-2026	1.867.000	1.000.000	867.000			1.000.000
	Bình Định			1.000.000	800.000	200.000			800.000
26	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn	thị xã An Nhơn, huyện Vân Canh	2023-2025	1.000.000	800.000	200.000			800.000
	Quảng Ngãi			3.500.000	3.000.000	500.000			800.000
27	Dự án đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	Bình Sơn, Sơn Tịnh và TPQN	2022-2027	3.500.000	3.000.000	500.000			800.000
	Vĩnh Long			3.200.000	1.600.000			1.600.000	1.600.000
28	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Đinh Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre (PPP)	Tỉnh Vĩnh Long và Tỉnh Bến Tre	2023-2027	3.200.000	1.600.000			1.600.000	1.600.000
	Thành phố Cần Thơ			7.193.000	7.193.000				3.235.000
29	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0 - Km7), thành phố Cần Thơ	Bình Thủy - Ninh Kiều	2023-2027	7.193.000	7.193.000				3.235.000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *				Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
					NSTW	NSĐP	Quỹ PTHĐSN của BV	
IV	Hỗ trợ đầu tư tuyến đường từ thị trấn Sơn Dương đi xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang			420.000	420.000			420.000
30	Tuyến đường từ thị trấn Sơn Dương đi xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.	Tuyến đường chạy qua địa phận thị trấn Sơn Dương và các xã Tú Thịnh, xã Minh Thanh, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.	2023-2025	420.000	420.000			420.000

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án

(**) Dự án sẽ triển khai xây dựng 01 cầu đường bộ song song với cầu đường sắt Cẩm Lý hiện tại để phục vụ các phương tiện đường bộ (cầu đường sắt Cẩm Lý cơ bản giữ nguyên chỉ để phục vụ tuyến tàu hỏa Kép - Hạ Long). Như vậy, về dự án cầu đường sắt Cẩm Lý (tách riêng cầu đường bộ - đường sắt) là dự án thuộc lĩnh vực đường bộ

Phụ lục VIII

BỐ TRÍ VỐN TĂNG THU NSTW NĂM 2022 ĐỂ THANH TOÁN CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG (BAO GỒM PHẦN CHẬM TRẢ) CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THUỘC NHIỆM VỤ CỦA NSTW PHÁT SINH SAU KHI DỰ ÁN ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/QH15 ngày tháng năm 2023 của Quốc hội)

STT	Danh mục dự án	Dự kiến thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư *					Dự kiến bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2022
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
				NSTW	NSDP	Quỹ PTHĐSN của BV	Cam kết bố trí vốn của các bên liên quan (đối với các dự án PPP)	
1	2	4	5	6	7	8		
	Nhiệm vụ chi của NSTW							
	Tỉnh Nghệ An							
1	Giải quyết khiếu nại đền bù giải phóng mặt bằng các dự án mở rộng quốc lộ 1 đoạn qua Nghệ An		1.275.000	1.275.000				1.275.000

Ghi chú: (*) Tổng mức đầu tư là dự kiến, có thể được điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án